

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Điều Hoàng.**

**2. Bà Nguyễn Thị Quy.**

***Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Định Quán.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:  
Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.***

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 511/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Dương Thị Th – sinh năm: 1985.**

**Địa chỉ: Tổ 16, ấp PQ 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai**

**Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Ph – sinh năm: 1981.**

**Địa chỉ: Tổ 16, ấp PQ 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai**

***(chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt không có lý do)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Th trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Đức Ph tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 và được Ủy ban nhân dân xã LN cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2003. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ph ham mê cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ, con. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra cãi vã nhau. Thậm chí anh Ph còn nhiều lần đánh đập chị. Chị có nhờ gia đình hai bên can thiệp nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Từ tháng 10/2019, chị bỏ về nhà

bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 02 con chung là:

- Nguyễn Đức T – sinh ngày: 22/5/2003.

- Nguyễn Đức Phương N – sinh ngày: 27/7/2004.

Từ khi chị và anh Ph ly thân nhau đến nay, các con chung sống cùng chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Đức Ph: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh Ph đến Tòa án làm việc nhưng anh Ph không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị Th đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị Th và anh Ph (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Th và anh Ph (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 17/12/2020 của chị Dương Thị Th (bản chính); Đơn xin vắng mặt của chị Dương Thị Th (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 18/01/2021; Văn bản ghi ý kiến của 02 cháu Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức Phương N.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Th và anh Ph đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Dương Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đức Ph.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Nguyễn Đức T – sinh ngày: 22/5/2003 và Nguyễn Đức Phương N – sinh ngày: 27/7/2004 cho chị Dương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Ph nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Dương Thị Th phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Đức Ph. Anh Ph đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Dương Thị Th và anh Nguyễn Đức Ph là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Ph tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN vào ngày 24/6/2003. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh Ph thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Th yêu cầu ly hôn vì anh Ph ham mê cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ, con.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh Ph đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Ph không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh Ph không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 27 – 28B).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị Th có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th là cho chị được ly hôn với anh Ph là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị Th và anh Ph có 02 con chung là:

- Nguyễn Đức T – sinh ngày: 22/5/2003.

- Nguyễn Đức Phương N – sinh ngày: 27/7/2004.

Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, bản thân chị Th có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị Th và anh Ph sống ly thân đến nay, con chung sống

cùng chị Th. Bản thân cả 02 con chung cũng có nguyện vọng sống cùng chị Th. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Ph nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Dương Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[6]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Th.

Cho chị Dương Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Đức Ph.

2. Về con chung: Chị Th và anh Ph có 02 con chung là:

- Nguyễn Đức T – sinh ngày: 22/5/2003.

- Nguyễn Đức Phương N – sinh ngày: 27/7/2004.

Chị Dương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tạm thời anh Nguyễn Đức Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Ph có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005541 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Th và anh Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã LN: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 62, cấp ngày 24/6/2003);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**